TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 23/2024/HS-ST Ngày 19-6-2024	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lưu Thị Hồng Thơm - Hiệu trưởng Trường tiểu học Vạn Sơn.

Bà Hoàng Thị Yến - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Bình - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 5 năm 2024, Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 105/2024/TB-TA ngày 07/6/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N, sinh ngày 10 tháng 10 năm 2005 tại Hải Phòng (khi phạm tội được 17 tuổi 8 tháng 10 ngày); nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị H sinh năm 1987. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023 đến ngày 30/6/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Nguyễn Phú T, sinh ngày 05 tháng 5 năm 2007 tại Hải Phòng (khi phạm tội được 16 tuổi 01 tháng 15 ngày); nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hải D sinh năm 1974 và bà Ngô Thị H sinh năm 1975. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023 đến ngày 30/6/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo T:* Ông Nguyễn Hải D, sinh năm 1975 cùng vợ là bà Ngô Thị H, sinh năm 1975; cùng trú tại: Tổ dân phố số 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo N, T:* Bà Nguyễn Thị Bích Liên, sinh năm 1975 và bà Đoàn Thị Hệ, sinh năm 1983 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố Hải Phòng; địa chỉ Trung tâm: Số 112, đường Lê Duẩn, phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Bà Hệ có mặt, bà Liên vắng mặt.

3. Nguyễn Minh P, sinh ngày 07 tháng 4 năm 2004 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H sinh năm 1980 và bà Lê Thị H sinh năm 1980. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023 đến ngày 30/6/2023 được thay đổi sang biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. Đỗ Phú T1, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2004 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Sinh viên; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Xuân H sinh năm 1974 và bà Phạm Thị G sinh năm 1983. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 97/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân xử phạt T1 15 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21/6/2023 đến ngày 30/6/2023 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng. Ngày 18/11/2023 bị cáo chấp hành án tại Trại giam Công an tỉnh Quảng Ninh theo Quyết định thi hành bản án số 97/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; có mặt.

5. Phạm Hoàng L, sinh ngày 26 tháng 11 năm 2005 tại Hải Phòng (khi phạm tội được 17 tuổi 6 tháng 25 ngày); nơi thường trú: Tổ dân phố số 6, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: Tổ dân phố số 3, phường H, quận D, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Bích N sinh năm 1973. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2024; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Đình C, anh Nguyễn Hoàng B, anh Nguyễn Văn L, ông Đồng Thế T, bà Lường Thị T; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình C, sinh ngày 20/7/2008, nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường M, quận Đ, Hải Phòng với Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 01/11/2007, nơi cư trú: Tổ dân

phố C, phường H, quận Đ, Hải Phòng có mâu thuẫn với nhau từ trước. Cả hai nhắn tin thách thức, chửi bới nhau trên mạng xã hội Facebook đồng thời hẹn gặp nhau để giải quyết mâu thuẫn.

Khoảng 19 giờ ngày 20/6/2023, B điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 15M1-497.31 chở Q (là bạn của B, hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch) đi đến đường Đ thuộc phường M, quận Đồ Sơn tìm C để giải quyết mâu thuẫn. B mang theo một chiếc kiếm tự chế bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 03 cm, cán gỗ để ở võng xe mô tô. Do không tìm thấy C nên B và Q đã đến quán Internet ở số 102 đường Q thuộc tổ Q, phường H, quận Đ, Hải Phòng chơi điện tử.

Khoảng 20 giờ cùng ngày, nhóm của C gồm: Đỗ Phú T1; Nguyễn Minh P; Nguyễn Phú T; Nguyễn Văn N; Nguyễn Văn L, sinh ngày 29/4/2008 ngồi uống nước ở đường P thuộc quận D. C vào mạng xã hội nhắn tin chửi nhau với B. Đến khoảng 20 giờ 45 phút, T1 đi xe mô tô Biên kiểm soát 15L1-048.77 của P chở P đi đến tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, Hải Phòng, những người còn lại tiếp tục ngồi uống nước. Đến khoảng 21 giờ, cả nhóm không uống nước nữa mà rủ nhau đi chơi. N, T nhắn tin và gọi điện cho Phạm Hoàng L để rủ L đi chơi cùng, L đồng ý. Trước khi đi L mang theo con dao "mèo" bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 07 cm, cán gỗ để trong cốp xe mô tô (không xác định được Biển kiểm soát). L điều khiển xe mô tô chở T ngồi giữa, N ngồi sau, L điều khiển xe mô tô (không xác định được Biển kiểm soát) chở C. Đi đến khu vực đầu đường 402 thuộc quận D, L dừng xe mở cốp lấy khẩu trang đeo thì N nhìn thấy con dao "mèo" nên bỏ ra mang theo. Khi đi đến khu vực ngã ba Q thì gặp T1 chở P. Cả nhóm đi vào đường Q về hướng Uỷ ban nhân phường H. Đến khoảng 21 giờ 30 phút, B đang đứng ở cửa quán Internet thì thấy nhóm của C đi qua. B chạy theo cầm kiếm ở tay phải chém về phía người C nhưng không trúng. N cầm dao ở tay phải chém về phía người B, B cầm kiếm chém N nhưng không trúng ai. B điều khiển xe mô tô của mình chở Q cầm kiếm đuổi theo nhóm của C. Khi đến đầu đường T thuộc tổ T, phường H, quận Đ, Hải Phòng, Q cầm kiếm chém một cái vào tay phải của C nhưng không để lại thương tích và dùng chân đạp vào xe mô tô do L đang điều khiển chở C làm xe mô tô bị đổ ra đường, C bị thương tích ở chân phải. B dừng lại, lấy kiếm từ tay Q chém một cái vào đầu C làm C bị thương tích chảy máu, C bỏ chạy, B đuôi theo chém được hai cái vào lưng C nhưng không để lại thương tích, C bỏ chạy thoát. Khi B cầm dao quay lại chỗ Q thì thấy L chở T1 ngồi giữa, N ngồi sau đi đến. B cầm kiếm chém về phía người N, N cầm dao chém lại B nhưng không trúng ai. Lúc này, B thấy Q đang đánh nhau với P bằng tay chân, cả hai đang vật lộn nhau nằm dưới đất. B chạy đến cầm kiếm chọc về phía mạng sườn của P nhưng không để lại thương tích. P dùng hai tay giằng lấy kiếm B đang cầm. T1 chạy đến ôm B, cả hai vật lộn với nhau dẫn đến cùng ngã xuống mương nước. T, N, L nhảy xuống mương nước dùng tay chân đánh, đấm B làm B bị thương tích ở mắt trái. Sau đó, sự việc được mọi người can ngăn còn B, C bị thương được đưa đi bệnh viện điều trị.

Ngày 21/6/2023, Đỗ Phú T1, Nguyễn Phú T, Nguyễn Văn N, Nguyễn Minh P, Nguyễn Hoàng B đến Công an quận Đồ Sơn đầu thú, khai nhận hành vi của mình. B tự nguyện giao nộp một chiếc kiếm tự chế bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 03 cm, cán gỗ.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 832 ngày 17/11/2023 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận về thương tích của Nguyễn Hoàng B: "*tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo vết thương vùng da mi góc ngoài mắt trái tại thời điểm giám định là 03 %*".

Tại Bản kết luận giám định tổn thương trên cơ thể người sống số 833 ngày 17/11/2023 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận về thương tích của Nguyễn Đình C: "*tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 12%*".

Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Đình C không yêu cầu Tòa án giải quyết bồi thường thiệt hại đối với thương tích của mình.

Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 29/3/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Văn N, Nguyễn Phú T, Nguyễn Minh P, Đỗ Phú T1, Phạm Hoàng L về tội Gây rối trật tự công cộng theo điểm b khoản 2 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Đình C và Nguyễn Văn L khi phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không khởi tố.

Đối với đối tượng Q chưa rõ căn cước, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tụ điều tra xác minh làm rõ để xử lý sau.

Đối với hành vi của Nguyễn Hoàng B gây thương tích cho Nguyễn Đình C làm C bị tỷ lệ tổn thương cơ thể 12%. Do B chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không khởi tố. Đối với hành vi của các bị cáo gây thương tích cho Nguyễn Hoàng B làm B bị tỷ lệ tổn thương cơ thể 03%. B và người đại diện có đơn đề nghị không khởi tố nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận hành vi thực hiện như nội dung nêu trên, phù hợp với nội dung Cáo trạng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Các bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T được ở bên ngoài xã hội để tiếp tục đi học. Bị cáo T do thiếu hiểu biết nên đã thực hiện hành vi gây rối trật tự công cộng và đây là lần đầu tiên bị cáo vi phạm pháp luật. Người đại diện hợp pháp của bị cáo T đồng ý nhận nộp thay án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội:

Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng đã nêu; sau khi đã phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N và Phạm Hoàng L từ 21 đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời gian thử thách từ 42 đến 48 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Phú T từ 18 đến 21

tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh P từ 27 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Gây rối trật tự công cộng. Thời gian thử thách từ 54 đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Phú T1 từ 27 đến 30 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 15 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng tại Bản án số 97/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Trừ cho bị cáo thời hạn tạm giữ, tạm giam.

Về xử lý vật chứng:

+ Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kiếm tự chế bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 03 cm, cán gỗ;

+ Đối với con dao mèo bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 07 cm, cán gỗ của Phạm Hoàng L; các xe mô tô sử dụng trong quá trình đánh nhau, gây rối trật tự công cộng hiện không thu hồi được, nên không đặt ra xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Đình C và người đại diện của B, C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Do tại thời điểm xét xử bị cáo T chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng nên người đại diện hợp pháp của bị cáo T có trách nhiệm nộp thay.

Ý kiến tranh luận của người bào chữa cho bị cáo N, T: Người bào chữa đồng ý với quan điểm của Viện Kiểm sát đã truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Tuy nhiên, các bị cáo khi phạm tội chỉ hơn 16 tuổi và chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật chưa đầy đủ, hiện nay bị cáo T còn đang học, lần đầu vi phạm pháp luật, bản thân các bị cáo đều ăn năn hối cải, bị cáo T có vai trò thấp trong đồng phạm, bản thân bị cáo có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt và cho hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của các bị cáo: Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Ý kiến tranh luận của người đại diện hợp pháp của bị cáo T: Không có ý kiến tranh luận đối với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo T không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong quá trình điều tra nên không gây trở ngại cho việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về tội danh và khung hình phạt:

[3] Lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Do C có mâu thuẫn với B từ trước nên khoảng 21 giờ 30 phút ngày 20/6/2023, trên đường từ tổ dân phố Q đến tổ dân phố T thuộc phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng, các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Phú T, Nguyễn Minh P, Đỗ Phú T1, Phạm Hoàng L (nhóm của C) có hành vi sử dụng hung khí đuổi đánh nhau với nhóm của B, gây thương tích cho nhau. Hành vi của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn công cộng khu vực từ tổ dân phố Q đến tổ dân phố T, phường H, quận Đ, gây hoang mang lo lắng cho nhân dân về tình hình an ninh trật tự.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo đã phạm tội gây rối trật tự công cộng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự, an toàn xã hội được pháp luật bảo vệ. Các bị cáo đều có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần phải xử các bị cáo nghiêm khắc theo quy định của pháp luật để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Công an quận Đồ Sơn đầu thú; các bị cáo N, T, L khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, lần

đầu tiên vi phạm pháp luật, bị cáo T có ông ngoại là người có công với cách mạng. Do vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về phân hóa trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo trong đồng phạm:

[7] Trong vụ án có 02 nhóm mâu thuẫn, xô xát nhau, các bị cáo T1, P, T, N, L cố ý cùng thực hiện một tội phạm nên là đồng phạm của nhau quy định tại Điều 17 của Bộ luật Hình sự nhưng là đồng phạm giản đơn bởi lẽ các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công, phân nhiệm vụ cụ thể giữa các đồng phạm; không có người tổ chức, cầm đầu, chỉ huy; các bị cáo đều là người thực hiện hành vi độc lập xuất phát từ việc bênh vực nhau trong nhóm của mình. Trong vụ án này, các bị cáo N, T, L khi phạm tội là người chưa thành niên, còn bồng bột, thiếu hiểu biết, dễ bị kích động khi gặp va chạm. Vì vậy, khi xem xét quyết định hình phạt cho mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử cần xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của mỗi bị cáo theo quy định tại Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo L là người mang theo dao, sử dụng tay chân đánh B, bị cáo N sử dụng dao của L để chém B, bị cáo P đánh nhau với Q, giằng kiếm từ tay B; bị cáo T1 vật lộn với B làm cả hai ngã xuống mương nước, bị cáo T và các bị cáo còn lại đều tham gia đuổi đánh nhau, sử dụng tay chân đánh nhau với B dưới mương nước. Như vậy bị cáo L và bị cáo N có mức độ tham gia phạm tội tương đồng nhau, có vai trò tích cực nhất, bị cáo P, bị cáo T1 có vai trò thứ hai, bị cáo T mức độ tham gia phạm tội thấp nhất.

[9] *Về nhân thân*: Bị cáo N, T, P, L đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo T1 là người có nhân thân xấu, ngày 05/3/2022, thực hiện hành vi Gây rối trật tự công cộng tại quận Lê Chân thành phố Hải Phòng. Trong thời gian điều tra, truy tố, xét xử bị cáo được tại ngoại nhưng đến ngày 20/6/2023 bị cáo tiếp tục có hành vi Gây rối trật tự công cộng tại quận Đồ Sơn. Bản án số 97 ngày 25/7/2023 của Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Hội đồng xét xử cần xem xét các yếu tố nhân thân này khi quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

[10] *Về hình phạt*: Khi phạm tội bị cáo N 17 tuổi 8 tháng 10 ngày, bị cáo T 16 tuổi 01 tháng 15 ngày, bị cáo L 17 tuổi 6 tháng 25 ngày nên được áp dụng các quy định tại Chương XII Bộ luật Hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Sau khi phạm tội bị cáo N, T đã đến Công an quận Đồ Sơn đầu thú, các bị cáo đều lần đầu phạm tội, nhân thân đều chưa có tiền án tiền sự, đều có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo quy định tại các điều 38, 65, Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung.

[10.1] Đối với bị cáo P sau khi phạm tội đã đến Công an quận Đồ Sơn đầu thú, phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần

áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo quy định tại các điều 38, 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung.

[10.2] Đối với bị cáo T1: Ngày 05/3/2022, thực hiện hành vi Gây rối trật tự công cộng tại quận Lê Chân, bị bắt tạm giữ rồi tạm giam từ ngày 11/3/2022 đến ngày 02/6/2022 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh. Ngày 18/6/2023 bị cáo tiếp tục có hành vi Gây rối trật tự công cộng tại quận Đồ Sơn và bị bắt tạm giữ từ ngày 21/6/2023. Bản án số 97/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Toà án nhân dân quận Lê Chân xử phạt bị cáo 15 tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng. Ngày 15/11/2023, bị cáo chấp hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số 123/2023/QĐ-TA ngày 29/8/2023 của Toà án nhân dân quận Lê Chân.

Do vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, tổng hợp hình phạt của 02 bản án, buộc bị cáo phải chấp hành. Bị cáo được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt tù tại Bản án số 97/2023 ngày 25/7/2023 của Toà án nhân dân quận Lê Chân theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

[11] *Về biện pháp ngăn chặn*: Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Phú T, Nguyễn Minh P và Phạm Hoàng L theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] *Về xử lý vật chứng*:

[12.1] Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kiếm tự chế bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 03 cm, cán gỗ;

[12.2] Đối với con dao mèo bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 07 cm, cán gỗ của Phạm Hoàng L; các xe mô tô sử dụng trong quá trình đánh nhau, gây rối trật tự công cộng hiện không thu hồi được, nên Hội đồng xét xử không xét.

[13] *Về trách nhiệm dân sự*: Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Đình C và người đại diện của B, C không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử không xét.

[14] *Về vấn đề khác*:

[14.1] Đối với: Nguyễn Hoàng B, Nguyễn Đình C, Nguyễn Văn L khi phạm tội chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không khởi tố là đúng quy định của pháp luật;

[14.2] Đối với đối tượng Q: Tài liệu chứng cứ thu thập hiện nay chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch. Về vấn đề này Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ để xử lý;

[14.3] Đối với hành vi của Nguyễn Hoàng B gây thương tích cho Nguyễn Đình C làm C bị tỷ lệ tổn thương cơ thể 12 %. Do B chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không khởi tố. Đối với hành vi của các bị cáo gây thương tích cho Nguyễn Hoàng B làm B bị tỷ lệ tổn thương cơ thể 03 %. B và người đại diện có đơn đề nghị không khởi tố nên Cơ quan điều tra không xử lý, Hội đồng xét xử không xét;

[15] *Về án phí:* Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do tại thời điểm xét xử bị cáo T chưa đủ 18 tuổi, không có tài sản riêng nên người đại diện hợp pháp của bị cáo T là ông D và bà H có trách nhiệm nộp thay.

[16] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo T, người bào chữa cho các bị cáo T, N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 và khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Phú T1 phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Đỗ Phú T1 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 15 (Mười lăm) tháng tù về tội Gây rối trật tự công cộng tại Bản án số 97/2023/HS-ST ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, buộc bị cáo T1 phải chấp hành 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành kể từ ngày 21/6/2023, trừ cho bị cáo thời gian đã chấp hành hình phạt tù tại Bản án số 97/2023 ngày 25/7/2023 của Toà án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Phú T, Phạm Hoàng L phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn N 22 (*Hai mươi hai*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 44 *(Bốn mươi tư)* tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2024.

+ Bị cáo Nguyễn Phú T 18 *(Mười tám)* tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 (*Ba mươi sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2024.

+ Bị cáo Phạm Hoàng L 22 (*Hai mươi hai*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 44 *(Bốn mươi tư*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2024.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 318; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh P phạm tội Gây rối trật tự công cộng.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh P 27 (*Hai mươi bảy*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 54 (*Năm mươi tư*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19/6/2024.

Giao các bị cáo N, T và bị cáo P cho Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; giao bị cáo L cho

Ủy ban nhân dân phường H, quận D, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong T1 hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ T1 hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Huỷ bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Phú T, Nguyễn Minh P và Phạm Hoàng L theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kiếm tự chế bằng kim loại, chiều dài 60 cm, bản rộng 03 cm, cán gỗ.

(Theo đúng Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01 tháng 4 năm 2024, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn với Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc mỗi bị cáo N, T1, P, L phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Người đại diện hợp pháp của bị cáo T là ông Nguyễn Hải D, bà Ngô Thị H có trách nhiệm nộp thay tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

- Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Nguyễn Văn N, Nguyễn Phú T, Nguyễn Minh P, Đỗ Phú T1, Phạm Hoàng L, người đại diện hợp pháp của bị cáo T; người bào chữa cho các bị cáo T, N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người đại diện của bị cáo;
- Người bào chữa;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Công an TP Hải Phòng (PC10);
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- UBND phường Hòa N, quận Dương Kinh;
- UBND phường Hải Thành, quận Dương Kinh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Xuân Vinh